

Bản án số: 34/2017/DS -ST
Ngày: 14-9-2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Công Mỹ

2. Bà Giáp Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2017/TLST- DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2017/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 47, khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu T, thị trấn C, huyện T, tỉnh B

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Số nhà 47, khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959 (có mặt)

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu T, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/5/2017 và các bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Do gia đình bà và chị Nguyễn Thị C có mối quan hệ hàng xóm. Nên vào tháng 9 năm 2009 gia đình chị C có đến nhà bà B mua nguyên vật liệu xây dựng và còn nợ số tiền là 11.000.000 đồng, khi mua hai bên không có thỏa thuận lãi. Ngày 28/5/2011 chị C trả được 700.000 đồng; ngày 19/01/2012 chị C trả được

500.000đồng; ngày 15/11/2016 chị C trả được 1.000.000 đồng. Hiện nay chị C và anh H còn nợ bà số tiền 8.800.000 đồng chẵn. Bà đã đến nhà đòi nhiều lần nhưng đến nay gia đình chị C chưa trả được số tiền trên. Bà xác định số tiền bán hàng trên là của vợ chồng bà. Tại phiên tòa hôm nay bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng chị C và anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho gia đình bà số tiền gốc là 8.222.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

* Tại bản tự khai ngày 14/6/2017 ông Nguyễn Văn P là chồng bà B trình bày: Việc vợ chồng chị C và anh H có mua nguyên vật liệu xây dựng và còn nợ số tiền như bà B trình bày là đúng. Nay ông P xác định số tiền bán hàng là của vợ chồng ông và ông yêu cầu vợ chồng chị C và anh H phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc còn nợ. Vì lý do công việc nên ông ủy quyền cho vợ ông là bà B tham gia tố tụng tại Tòa án từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình. Bà xác nhận chị C, anh H còn nợ bà số tiền 10.422.000 đồng và được trừ đi số tiền 2.200.000 đồng chị C, anh H đã trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng chị C và anh H trả số tiền gốc nợ là 8.222.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2017, bị đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị không nhớ rõ thời gian năm bao nhiêu, nhưng vợ chồng chị có mua nguyên vật liệu để làm nhà gồm gạch lát nhà, xi, sắt...và còn nợ số tiền là hơn 8.000.000 đồng. Khi đi mua nguyên vật liệu thì anh H chồng chị là người trực tiếp mua hàng, còn chị là người ký nhận nợ, nhưng chị C chỉ xác định còn nợ số tiền hơn 8.000.000 đồng, và đã trả được số tiền 3.200.000 đồng. Chị C cho rằng chị không ký vào giấy nhận nợ số tiền 11.000.000 đồng đề ngày 02/5/2011 mà chị chỉ ký chữ “Cúc” tại phần chữ đề ngày 16/10; 15/11/16, ngoài ra chị Cúc không ký các phần chữ còn lại. Còn phần ghi “ngày 26/4/2011; 28/5 dương lịch Cúc trả 700.000 đồng; ngày 26/12/11; 19/1/2012 Hưng trả 500.000đồng; ngày 16/10; 15/11/16 Cúc trả 1.000.000 đồng thì là đúng sự thật. Chị C xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị, nhưng chỉ thừa nhận còn nợ gia đình bà B số tiền còn lại hơn 5.000.000 đồng, nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể. Nay bà B yêu cầu vợ chồng chị trả số trên chị không đồng ý mà chỉ đồng ý trả nợ số tiền hơn 5.000.000 đồng.

* Đối với anh Nguyễn Văn H chồng chị C đã được chị C nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết giao lại cho anh H chồng chị, nhưng anh H không trình bày ý kiến của mình về số nợ trên, như vậy anh H đã từ bỏ quyền lợi của mình. Tại các buổi hòa giải chị C và anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình, do vậy yêu cầu của chị C xác định đã trả được bà B 3.200.000 đồng và còn nợ bà B số tiền hơn 5.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị C, anh H vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là chị Nguyễn Thị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B: Buộc chị C, anh H phải trả cho bà B, ông P tổng số tiền 8.222.000 đồng tiền gốc (Tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng). Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị C, anh H.

Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện đòi vợ chồng chị C và anh H có trách nhiệm trả khoản tiền mua hàng còn nợ là 8.222.000 đồng là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 430 của Bộ luật dân sự. Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là 01 giấy nhận nợ có chữ ký của chị C. Tuy nhiên, chị C không thừa nhận đó là chữ ký của chị nhưng chị C lại không xuất trình các giấy tờ chứng minh cho việc không phải là chữ ký của chị, chị cũng không yêu cầu giám định chữ ký và không chứng minh về số tiền còn nợ. Đối với bên bán đã thực hiện nghĩa vụ của mình là giao tài sản, và chị C, anh H đã nhận tài sản nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên bán. Do vậy, việc bà B có đơn khởi kiện là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về nghĩa vụ trả tiền: Tại giấy nhận nợ số tiền 11.000.000 đồng đề ngày 02/5/2011 và 10.422.000 đồng giấy nhận nợ ngày 12/02/2011 do bà B xuất trình, bị đơn là chị Nguyễn Thị C chỉ thừa nhận ký chữ “Cúc” tại phần chữ đề ngày 16/10; 15/11/16, ngoài ra chị C không thừa nhận ký các phần chữ còn lại. Còn phần ghi “ ngày 26/4/2011; 28/5 dương lịch Cúc trả 700.000 đồng; ngày 26/12/11; 19/1/2012 Hưng trả 500.000 đồng; ngày 16/10; 15/11/16 Cúc trả 1.000.000 đồng thì chị Cúc xác nhận là đúng sự thật.

Chị C xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng, nhưng chỉ thừa nhận chỉ còn nợ gia đình bà B số tiền còn lại hơn 5.000.000 đồng, nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể. Nay bà B yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền 8.800.000 đồng chị C không đồng ý mà chỉ đồng ý trả nợ số tiền hơn 5.000.000 đồng, chị C cho rằng đã trả bà B 3.200.000 đồng nhưng chị lại không xuất trình được các chứng cứ chứng minh cho quyền lợi của mình. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay bà B yêu cầu vợ chồng chị C, anh H có trách nhiệm trả số tiền 8.222.000 đồng là phù

hợp với quy định tại Điều 430; Điều 434; Điều 440 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

[2] Về số tiền phải trả:

Sau khi vợ chồng chị C và anh H mua nguyên vật liệu của gia đình bà B thì anh H là người đến lấy hàng trực tiếp, còn chị C là người nhận nợ. Xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng vì mục đích của việc mua nguyên vật liệu để phát triển kinh tế gia đình. Chị C có thừa nhận còn nợ bà B số tiền hơn 8.000.000 đồng, nhưng đã trả được số tiền ghi trong giấy nhận nợ mà bà B cung cấp là đúng, nhưng chị C chỉ thừa nhận nợ số tiền còn lại hơn 5.000.000 đồng. Chị C, anh H vắng mặt, toàn bộ các buổi làm việc tại Tòa án, cũng như không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là còn nợ số tiền hơn 5.000.000 đồng và chữ ký của chị tại giấy nhận nợ do bà B xuất trình. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay chị C, anh H vẫn vắng mặt. Do vậy, buộc chị C, anh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B, ông P số tiền gốc là 8.222.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430; Điều 434; Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[3] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do bị đơn chị C, anh H vắng mặt tại phiên tòa nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị B được chấp nhận nên chị C, anh H phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí phải chịu là: 8.222.000 đồng x 5% = 411.000 đồng (Bốn trăm mười một nghìn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của bà Bình được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Bình không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn P số tiền 8.222.000 đồng (Tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới chịu 411.000 đồng (Bốn trăm mười một nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị B số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng chẵn) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003712 ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân

